

Bản án số: 40/2017/DSST

Ngày: 15-9-2017

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn**;

2. Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liên Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Màu**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2016/TLST-DS ngày 17/10/2016; về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐXXST-DS, ngày 22/8/2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông Châu Văn T (Châu Minh T), sinh năm 1964 và bà Trương Thị X, sinh năm 1964; Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Ông Trương Văn D, sinh năm 1958; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1958;
2. Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1972;
3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 (có mặt);
4. Chị Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1983;
5. Anh Trương Văn T2, sinh năm 198 (có mặt);
6. Anh Trương Văn H, sinh năm 1994;
7. Chị Châu Thị Cẩm T3, sinh năm 1996;
8. Chị Châu Thị Lệ T4, sinh năm 1987;
9. Anh Châu Trường H1, sinh năm 1988;

10. Chị Châu Thị Bích N, sinh năm 1991;
11. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1935;
Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ông G, anh T1, chị Cẩm B, chị T4, anh H1, chị N, ông S đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Người địa diện ủy quyền của chị Châu Thị Cẩm T3 có bà Trương Thị X, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2016).

Người địa diện ủy quyền của anh Trương Văn H có ông Trương Văn D, sinh năm 1958; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2016).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2016, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải của nguyên đơn cùng trình bày:

Ông bà được bà Nguyễn Thị N cho diện tích đất 2.900m², thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 9, loại đất cây ăn quả, tọa lại tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ Châu Văn T (Châu Minh T) đứng tên quyền sử dụng đất.

Đối với diện tích đất trên vào tháng 10/2010 ông bà chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn G diện tích 03 cục lá, chưa làm thủ tục sang tên, lúc chuyển nhượng có thỏa thuận chừa lại đường nước chiều ngang 03 mét, chiều dài 24m để dẫn nước vào ruộng của gia đình sử dụng. Qua kết quả khảo sát và cung cấp thông tin của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần đường nước tranh chấp có chiều ngang 03m, chiều dài 18.50m ông bà thống nhất và không có khiếu nại gì về diện tích đất giảm so với diện tích đất mà ông bà yêu cầu trước đây. Đường nước phía ngoài là đầu sỏ chảy vô là đường nước ông bà đang tranh chấp, kế bên là đất ông D cũng chừa một đường dẫn nước, kế bên là đất ông Trương Văn T5 cũng chừa một đường dẫn nước và lên đầu trên là ruộng của ông bà, từ trước đến nay đường nước này dẫn sử dụng chung bình thường không có ai ngăn cản hay đắp lại, do đầu ruộng của ông bà phía trên cao nên nước không chảy lên tới ruộng phải đặt máy từ ruộng ông T5 mới bơm lên ruộng ông bà, khoảng 03 đến 04 năm nay ông bà mâu thuẫn với ông T5 về chuyện cá nhân nên ông T5 không cho ông bà đặt máy bơm nước, nên ông bà khởi kiện ông D để lấy lại đường nước. Nay ông bà xác định nguyên nhân ông bà tranh chấp là do ông D kê máy móc lá dừa nước và chiều sâu của đất (không có móc chiều ngang) không hỏi ông bà. Đường nước đang tranh chấp phía ông D không có ngăn cản, lấn chiếm hay đắp lại không cho dẫn nước. Nay ông bà không yêu cầu ông D bồi thường lá dừa nước và chiều sâu của đất, ông bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất buộc ông D trả lại đường nước chiều ngang 03m, chiều dài 18.50m, nằm 01 phần trong tổng diện tích đất 2.900m², thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 9, loại đất cây ăn quả, tọa lại tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ Châu Văn T (Châu Minh T) đứng

tên quyền sử dụng đất, ông D kêu máy móc đường nước ông bà không đồng ý bồi thường.

Việc chuyển nhượng đất giữa ông bà với Ông G không yêu cầu giải quyết chung cùng vụ kiện này.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải của bị đơn ông Trương Văn D trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất mà ông T, bà X tranh chấp là của cha mẹ ông là bà Nguyễn Thị N chết năm 2002, cha là ông Trương Văn C chết năm 1969 tạo lập được. Vào năm 1979 bà N cho anh Trương Văn T6 diện tích đất 10.000m² sử dụng và anh T6 đào đường nước ngang 03m, chiều dài hết đất gia đình, anh T6 sử dụng không bao lâu thì trả lại cho bà N và đường nước này cũng để lại sử dụng chung. Năm 1986 bà X có gia đình sống bên chồng, đến năm 1989 bà X về bên gia đình ông sống, thấy vậy bà N và anh T6 đứng ra cho đất bà X không có đường nước, không biết việc bà X và ông T đi kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có luôn đường nước. Qua kết quả khảo sát và cung cấp thông tin của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T ông đường nước tranh chấp chiều ngang 03m, chiều dài 18.50m ông thống nhất và không có khiếu nại gì. Hiện nay đường nước ông có kêu máy móc lá dừa nước cho thông để dẫn nước vào ruộng bên trong sử dụng. Đường nước từ đầu sỏ đi vô là đường nước đang tranh chấp, kế bên là đất của ông cũng chừa một đường nước dẫn qua đất ông Trương Văn T5 và dẫn qua lên ruộng ông T bà X, trong quá trình sử dụng ông không có ngăn cản, lấn chiếm hay đắp lại không cho ai sử dụng, còn đầu trên ruộng của ông T5, ông T, bà X mọi người mâu thuẫn như thế nào ông T5 không cho ông T, bà X tác nước lên ruộng ông không biết.

Đối với đường nước đang tranh chấp ông có kêu máy móc lá dừa nước để dẫn nước vào ruộng sử dụng bằng 450.000 đồng, ông không yêu cầu ông T, bà X trả lại tiền cho ông và ông cũng không tranh chấp yêu cầu công nhận đường nước cho ông, vì đường nước này đang dẫn nước sử dụng chung và có từ trước đến nay.

Nay ông T, bà X tranh chấp yêu cầu ông trả lại đường nước chiều ngang 03m, chiều dài 18.50m, nằm 01 phần trong tổng diện tích đất 2.900m², thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 9, loại đất cây ăn quả, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông T bà X sử dụng, ông không đồng ý theo yêu cầu của ông T, bà X.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là vợ của ông Trương Văn D, bà thống nhất ý kiến trình bày của ông D không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của anh Trương Văn T2 trình bày: Anh là con của ông Trương Văn D, anh thống nhất ý kiến trình bày của ông D không bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông Nguyễn Văn G trình bày: Năm 2010 ông có chuyển nhượng đất của ông T, bà X diện tích 03 cục lá, nằm trong tổng diện tích đất 2.900m², thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 9, loại đất cây ăn quả, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ Châu Văn T (Châu Minh T) đứng tên quyền sử dụng đất, giá chuyển nhượng 58.000.000 đồng, hai bên có

làm giấy tay, chưa làm thủ tục chuyển quyền, đất hiện nay gia đình ông đang sử dụng, ông không có chuyển nhượng đường nước tranh chấp, việc chuyển nhượng đất giữa ông với ông T, bà X không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết chung cùng vụ kiện, còn việc ông T, bà X tranh chấp với ông D thì các bên tự giải quyết ông không có ý kiến.

Ông Nguyễn Văn G có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Thanh T1 và chị Nguyễn Thị Cẩm B trình bày: Anh chị là con của ông Nguyễn Văn G, anh chị thống nhất ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn G, không bổ sung thêm.

Anh T1 và chị Cẩm B có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai của Châu Thị Lệ T4, anh Châu Trường H1, chị Châu Thị Bích N cùng trình bày:

Anh chị là con của ông T, bà X do anh chị là thành viên trong hộ ông T, anh chị không có công sức đóng góp đối với thửa đất đang tranh chấp. Nay anh chị không có ý kiến và thống nhất để cho ông T bà X tranh chấp với ông D.

Chị Châu Thị Lệ T4, anh Châu Trường H1, chị Châu Thị Bích N có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông có sử dụng diện tích đất gần thửa đất của ông T, bà X, chứ từ trước đến nay ông không có sử dụng thửa đất của ông T, bà X. Năm 1991 ông T, bà X được đứng tên đất theo trích lục của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T có 01 phần của thửa đất ông đứng tên, việc ông T, bà X được đứng tên quyền sử dụng đất không liên quan đến ông và ông cũng không có tặng cho hay mua bán đất cho ông T bà X. Nay ông không tranh chấp và không có yêu cầu, còn việc ông T, bà X tranh chấp với ông D để hai bên giải quyết.

Ông S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị N và đường nước đang tranh chấp có từ trước đến nay và đang dẫn nước vào ruộng sử dụng chung, không ai ngăn cản.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Ông T, bà X yêu cầu ông D trả lại đường nước chiều ngang 03m, chiều dài 18.50m, nằm 01 phần trong tổng diện tích đất 2.900m², thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 9, loại đất cây ăn quả, tọa lại tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ Châu Văn T (Châu Minh T) đứng tên quyền sử dụng đất.

Ông Trương Văn D không đồng ý theo yêu cầu của ông T, bà X do ông không có ngăn cản, lấn chiếm hay đắp lại đường nước.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia

tổ tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại diện tích đất chiều ngang 03m, chiều dài 18.50m, nằm 01 phần trong tổng diện tích đất 2.900m², thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 9, loại đất cây ăn quả, toạ lại tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ Châu Văn T do không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Về án phí, chi phí thẩm định, định giá đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn ông Trương Văn D có hộ khẩu thường trú ở ấp A, xã B, huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Theo đơn khởi kiện người khởi kiện là ông Châu Văn T, trong quá trình giải quyết theo tàn thư của Công an xã B cung cấp thì Châu Văn T còn có tên gọi khác là Châu Minh T.

[2] *Về nội dung*: Xét thấy, nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp chiều ngang 03m, chiều dài 18.50m, nằm 01 phần trong tổng diện tích đất 2.900m², thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 9, loại đất cây ăn quả, toạ lại tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ Châu Văn T (Châu Minh T) đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị N mẹ ông D và bà X cho bà X sử dụng và hộ ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1991 cho đến nay. Tại phiên tòa ông T, bà X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông D trả lại đường nước chiều ngang 03m, chiều dài 18.50m cho ông bà sử dụng. Phía ông D không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà X vì ông không có ngăn cản, lấn chiếm hay đắp đường nước không cho ông T, bà X sử dụng.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận hiện nay đường nước ông bà đang tranh chấp phía bị đơn ông D không có ngăn cản, lấn chiếm hay đắp lại không cho nước dẫn vào ruộng, qua khảo sát thực tế ngày 16/12/2016 thì diện tích đất tranh chấp có chiều ngang 03m, chiều dài 18.50m nằm trong diện tích đất 2.900m², thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 9, loại đất cây ăn quả, toạ lại tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ ông T được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay

đường nước đang tranh chấp còn nguyên vẹn và nguyên đơn vẫn đang quản lý, sử dụng. Phía bị đơn không có ngăn cản, lấn chiếm hay đắp lại. Từ đó xét thấy quyền lợi của ông T, bà X không bị xâm phạm. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

Việc ông D có thuê máy móc lá dừa nước và chiều sâu của đất tại đường nước, còn chiều ngang diện tích đường nước vẫn nguyên vẹn, phía nguyên đơn ông T, bà X không tranh chấp và không có yêu cầu ông D bồi thường lá dừa nước và thay đổi hiện trạng đường nước, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ngày 12/7/2017, Tòa án có Thông báo yêu cầu ông D làm đơn phản tố yêu cầu ông T, bà X trả tiền thuê máy móc lá dừa nước tại đường nước bằng 450.000 đồng và ông D có yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp cho ông hay không. Phía ông D không tranh chấp và không yêu cầu bồi thường là phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Việc chuyển nhượng đất giữa ông T, bà X với ông Nguyễn Văn G các bên không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí do yêu cầu không được chấp nhận (Theo biên bản định giá tài sản tranh chấp ngày 16/12/2016 thì đất tranh chấp có giá 50.000 đồng/m²).

[4] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 91, 93, 147, 157 và Điều 165 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 27 của pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn T (Châu Minh T) và bà Trương Thị X yêu cầu ông Trương Văn D trả lại đường nước chiều ngang 03m, chiều dài 18.50m, nằm 01 phần trong tổng diện tích đất 2.900m², thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 9, loại đất cây ăn quả, tọa lại tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ Châu Văn T (Châu Minh T) đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Về án phí:

Buộc ông Châu Văn T (Châu Minh T) và bà Trương Thị X phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007455 ngày 17/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, ông T, bà X đã nộp đủ án phí.

Bị đơn ông Trương Văn D không phải chịu án phí.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Buộc ông Châu Văn T (Châu Minh T) và bà Trương Thị X phải chịu 1.887.000 đồng, ông T, bà X đã nộp và chi xong.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm